

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 904/2019/HNGĐ-PT

Ngày 14-10-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trịnh Minh Đức.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thu Phương.

Bà Đặng Thị Bích Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 72/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2019/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3537/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 7937/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Thông báo mở phiên tòa phúc thẩm số 8113/TB-TA ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 30/59 đường T, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 165/4 đường X, Tổ B, Khu phố M, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam L, xã L, huyện B, tỉnh L.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn - ông Trần Văn T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn năm 2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2007 ngày 30/8/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh B. Trong quá trình chung sống giữa ông bà nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên không hạnh phúc, xuất phát từ tính tình không hòa hợp giữa các bên. Do đó tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên sống ly thân từ nhiều năm nay, ông T đang thi hành án phạt tù từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Trúc M, sinh ngày 30/7/2006. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 12 năm 2018, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ông T không đồng ý ly hôn với bà D và cũng không có ý kiến gì về việc bà D yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Trúc M, sinh ngày 30/7/2006. Ông T yêu cầu giao con chung cho ông Trần Xuân Th (Ông nội trẻ Trúc M), sinh năm 1954, địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho ông Trần Xuân Th1 (Chú ruột trẻ Trúc M), sinh năm 1991 địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh T là người giám hộ và đại diện hợp pháp cho trẻ Trúc M, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông T xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng về sau.

*Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2019/HNGĐ-ST ngày 01/02/2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Trúc M, sinh ngày 30/7/2006. Giao cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/3/2019, ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn bà D.
- Về con chung: Nếu Tòa án buộc bà D và ông T phải ly hôn, ông T yêu cầu giao con chung trẻ Trần Nguyễn Trúc M cho ông Trần Xuân Th (ông nội trẻ Trúc M) được trực tiếp nuôi dưỡng, giao ông Trần Xuân Th1 (chú ruột trẻ Trúc M) là người giám hộ và đại diện hợp pháp cho trẻ Trúc M, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng; Bà Nguyễn Thị Thùy D không chấp nhận kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

- Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T làm ngày 12/3/2019 còn trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2007 ngày 30/8/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Trần Văn T nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 ông T đi thi hành án phạt tù, vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay. Do đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

- Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Trần Nguyễn Trúc M, sinh ngày 30/7/2006, hiện nay trẻ Trúc M đang được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, trẻ Trúc M đã được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay và hiện nay bà D có việc làm ổn định, thu nhập cao, đã tạo mọi điều kiện cho con học hành có kết quả tốt, song song đó trẻ Trúc M cũng có nguyện vọng được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà D đối với ông T.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

### I. Về thủ tục tố tụng:

Do ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2019/HNGĐ-ST ngày 01/02/2019 đã được Tòa án nhân dân quận B tổng đạt cho ông T vào ngày 08/3/2019 và Đơn kháng cáo của ông T làm ngày 12/3/2019 còn trong hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

### II. Về nội dung kháng cáo ngày 12/3/2019 của ông Trần Văn T:

Ngày 25/12/2018, cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai ông Trần Văn T và giao cho ông T bản photo bản khai ngày 12/12/2018 của bà Nguyễn Thị Thùy D thể hiện bà D yêu cầu giải quyết về con chung: Khi ly hôn bà D đồng ý để ông Trần Xuân Th (ông nội trẻ Trúc M) được bảo trợ cho cháu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến ngày 14/01/2019, bà D có bản khai thay đổi yêu cầu giải quyết về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Cấp sơ thẩm không thông báo việc thay đổi yêu cầu này của bà D cho ông T biết, đã ảnh hưởng đến quyền của bị đơn ông T được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện (thay đổi yêu cầu của bà D) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 72, Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Song song đó, ông T có yêu cầu vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án nên cấp sơ thẩm đã không thông báo cho ông T biết về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T là vi phạm thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 170, Điều 171 và Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã nêu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự tham gia tố tụng qua hai cấp xét xử, cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông T tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T.

Hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2019/HNGĐ-ST ngày 01/02/2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) cho ông Trần Văn T theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020631 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Trịnh Minh Đức**